

Số: 1517 /QĐ-UBND

Vĩnh Cửu, ngày 24 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai phân bổ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công; công khai tổng mức vốn đầu tư của các dự án đầu tư công năm 2023 (Lần 2).

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/06/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16/11/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 10/2005/TT-BTC ngày 02/02/2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện quy chế công khai tài chính đối với việc phân bổ, quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 18/8/2023 của UBND huyện Vĩnh Cửu về việc bổ sung, phân bổ vốn Kế hoạch Đầu tư công từ nguồn vốn ngân sách huyện và nguồn khác do huyện quản lý năm 2023 (Lần 2);

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 12/TTr-TCKH ngày 11 tháng 8 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai bổ sung, phân bổ nguồn vốn kế hoạch đầu tư công; công khai tổng mức vốn đầu tư của các dự án đầu tư công năm 2023 (Lần 2).

(Đính kèm biểu chi tiết).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND&UBND huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch, Các phòng, Ban, cơ quan chuyên môn được UBND huyện giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư, Chủ tịch UBND các xã, TT Vĩnh An tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- UBND Tỉnh Đồng Nai (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- TT Huyện ủy, TTHĐND huyện (b/c);
- CT, Các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Chánh, Phó VP HĐND & UBND huyện;
- Lưu: VT + THKT



CHỦ TỊCH

Nguyễn Quang Phương

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN VINH CỬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

BIỂU CÔNG BỐ CÔNG KHAI BỔ SUNG, PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TỪ NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ
NGUỒN VỐN KHÁC DO HUYỆN QUẢN LÝ NĂM 2023 (LẦN 2)
(Kèm theo Quyết định số 517/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2023 của UBND huyện Vĩnh Cửu)

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 31/12/2022	Nhu cầu vốn 2023	Kế hoạch năm 2023				Chú đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch			Tổng kế hoạch năm 2023 sau khi bổ sung, phân bổ, (Lần 2)	Kế hoạch sau điều chỉnh Lần 1	Bổ sung lần 1	Phân bổ lần 2	Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ sau lần 2	
1	2	3	4	7	8	9	10	11=12+13+14+15	12	13	14	15	
	PHẦN 1: VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023							369.301	355.712	13.589	-	-	
A	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG							159.457	159.457				
B	NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT							94.644	81.055	13.589			
C	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (Nguồn kết dư)							115.200	115.200				
	PHẦN 2: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023						189.603	369.301	171.505	13.589	71.891	112.316	
A	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG					42.761	189.603	159.457	93.947	-	33.289	32.221	-
I	Dự án chuyển tiếp					42.761	38.068	23.507	21.542	-	1.965	-	-
I	Chi hoạt động kinh tế					35.524	34.816	20.279	19.783	-	496	-	-
1.1	Chi lĩnh vực giao thông					12.800	29.940	15.403	15.403	0	0	0	0
	Xây dựng vỉa hè tuyến đường ĐT.768 nối dài giai đoạn 1 (đoạn từ TTGDNN-GDTEX đến giáp đường ĐT 762)	TT Vĩnh An	2021-2023	10174 ngày 08/10/2021	14.011	8.500	5.044	5.044	5.044				Ban QLDA
	Đường Khu tái định cư ấp Bình Chánh	Xã Tân An	2022-2024	2595, 22/06/2022	5.722	3.000	2.470	2.470	2.470				Ban QLDA
	Xây dựng cầu tổ 6A khu phố 6 nối khu phố 5	TT Vĩnh An	2022-2024	2405, 09/06/2022	5.352	300	4.889	4.889	4.889				Ban QLDA
	Cầu và đường dẫn Bình Lạc - Tân Triều, xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2022-2024	626, 26/02/2021	37.847	1.000	17.537	3.000	3.000				Ban QLDA

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 31/12/2022	Nhu cầu vốn 2023	Kế hoạch năm 2023					Chú đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch			Tổng kế hoạch năm 2023 sau khi bổ sung, phân bổ, (Lần 2)	Kế hoạch sau điều chỉnh Lần 1	Bổ sung lần 1	Phân bổ lần 2	Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ sau lần 2		
1		2	3	4	7	8	9	10	11=12+13+14+15	12	13	14	15	
1.2	Chi lĩnh vực Giao thông (thực hiện theo hình thức XIII)						7.318	1.027	1.027	1.027	-	-	-	-
	Đường Kênh NI (doạn còn lại) xã Tân An	Xã Tân An	2021-2023	2692, 28/06/2022	4.914	1.848	335	335	335				UBND xã Tân An	
	Đường tổ 3, ấp 3 xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2023	2016, 17/05/2022	631	470	125	125	125				UBND xã Phú Lý	
	Đường Bàu Diên, ấp 4, xã Phú Lý (giai đoạn 2)	Xã Phú Lý	2022-2024	11825 ngày 13/12/2021	12.580	5.000	567	567	567				UBND xã Phú Lý	
1.3	Chi cho lĩnh vực quy hoạch và quản lý quy hoạch				4.386	1.890	2.496	2.496	2.000	-	-	496	-	-
	Điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5000 thị trấn Vĩnh An	TT Vĩnh An	2022-2023	361 ngày 07/02/2022	3.890	1.890	2.000	2.000	2.000				Phòng KT- HT	
	Lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/5000 khu TĐC tại xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2021-2023	1846, 27/04/2022	496	496	496				496		Phòng KT- HT	
1.4	Chi lĩnh vực cấp thoát nước, nước sạch				14.979	13.516	1.353	1.353	1.353	-	-	-	-	-
	Trạm bơm và đường ống cấp nước thô đến nhà máy nước sạch xã Phú Lý	xã Phú Lý	2021-2023	10166 ngày 08/10/2021	14.979	13.516	1.353	1.353	1.353				Ban QLDA	
2	Chi lĩnh vực QLNN				4.311	1.866	2.237	2.237	1.500	-	-	737	-	-
	Nâng cấp, sửa chữa nhà ăn Huyện ủy	TT Vĩnh An	2022-2024	8405, 20/09/2022	2.488	175	2.105	2.105	1.368			737	VP Huyện ủy	
	Bồi thường hồ sung do thu hồi đất dự án xây dựng UBND xã Thanh Phú	Xã Thanh Phú	2022-2024		1.823	1.691	132	132	132				Cấp chuyển giao cho xã Thanh Phú	
3	Lĩnh vực khoa học công nghệ				2.143	1.871	259	259	259	-	-	-	Phòng TC-KH	
	Dầu tư trang thiết bị khối Đảng+ Khối nhà nước và đoàn thể (Thuộc danh mục mua sắm tập trung và Không thuộc danh mục mua sắm tập trung)	Địa bàn huyện	2022-2023	984, 14/04/2023	2.143	1.871	259	259	259					
4	Chi lĩnh vực Văn hóa-TT				4.466	3.500	756	732	-	-	-	732	-	-
	Nâng cấp sửa chữa một số hạng mục Nhà văn hóa Phú Lý	Xã Phú Lý	2021-2023	9873, ngày 28/12/2022	4.466	3.500	756	732				732	Ban QLDA	
II	Dự án khởi công mới					-	151.535	93.529	70.655	-	-	22.874	-	-
1	Chi lĩnh vực Thể dục thể thao				9.415	-	8.893	8.893	8.893	-	-	-	-	-
	Xây dựng sân bóng đá kết hợp khu thể thao xã Tân An;	Xã Tân An	2023-2025	9502, 28/11/2022	6.169		5.679	5.679	5.679				Ban QLDA	
	Nâng cấp sửa chữa Trung tâm văn hóa xã Tân An;	Xã Tân An	2023-2025	9574, 30/11/2022	3.246		3.214	3.214	3.214				Ban QLDA	
2	Chi hoạt động kinh tế				108.321	-	80.337	31.047	31.047	-	-	-	-	-

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 31/12/2022	Nhu cầu vốn 2023	Kế hoạch năm 2023				Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch			Tổng kế hoạch năm 2023 sau khi bổ sung, phân bổ, (Lần 2)	Kế hoạch sau điều chỉnh Lần 1	Bổ sung lần 1	Phân bổ lần 1	Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ sau lần 2	
1	2	3	4	7	8	9	10	11=12+13+14+15	12	13	14	15	
2.1	Chi lĩnh vực Kiến thiết thị chính												
	Trồng cây xanh tuyến đường Hương lộ 7	Địa bàn huyện	2023-2025	9709, 13/12/2022	10.300	-	9.856	9.856	3.854	3.854	-	-	
	Trồng cây xanh tuyến đường Hương lộ 9	Địa bàn huyện	2023-2025	9708, 13/12/2022	5.001		4.809	4.809	4.809				
	Hệ thống chiếu sáng đường trục 16, giai đoạn 2	Xã Thạnh Phú	2023-2025	9493, 28/11/2022	1.252		1.193	1.193	1.193				
2.2	Chi lĩnh vực giao thông												
	Xây dựng vỉa hè tuyến đường DT.768 nối dài giai đoạn 2 (đoạn còn lại) (CP BT GPMB, CBĐT...)	TT Vĩnh An	2023-2025	9710, 13/12/2022	52.525	-	70.481	21.191	10.000	10.000	-	-	
	Chi lĩnh vực Giao thông (thực hiện theo hình thức XHH)												
	Đường tổ 10, ấp 4, xã Phú Lý;	Xã Phú Lý	2023-2025	9492, 28/11/2022	1.841		827	827	827				UBND xã Phú Lý
	Đường tổ 8-N2, ấp Bàu Phụng, xã Phú Lý (CP BT GPMB, CBĐT...)	Xã Phú Lý	2022-2024	9575, 30/11/2022	5.961		4.338	2.000	2.000	2.000			UBND xã Phú Lý
	Đường số N7 liên ấp 1-3 (GD1), xã Phú Lý (CP BT GPMB, CBĐT...)	Xã Phú Lý	2022-2024	9711, 13/12/2022	25.484		15.075	3.000	3.000	3.000			UBND xã Phú Lý
	Đường nhánh tổ 10, ấp 2, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2023-2025	9302, 17/11/2022	625		283	283	283				UBND xã Hiếu Liêm
	Đường nội đồng Giáo Túng (giai đoạn 2), xã Bình Lợi;	Xã Bình Lợi	2023-2025	9706, 13/12/2022	4.286		1.827	1.827	1.827				UBND xã Bình Lợi
	Đường hẻm 12-14, ấp Bình Ý	Xã Tân Bình	2023-2025	9496, 28/11/2022	1.185		529	529	529				UBND xã Tân Bình
	Đường hẻm 21, đường sân banh ấp Bình Ý	Xã Tân Bình	2023-2025	9494, 28/11/2022	913		409	409	409				UBND xã Tân Bình
	Đường hẻm 291, 169 ấp Bình Lục	Xã Tân Bình	2023-2025	9495, 28/11/2022	1.176		524	524	524				UBND xã Tân Bình
	Đường số 8, ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025	9298, 17/11/2022	2.387		1.058	1.058	1.058				UBND xã Mã Đà
	Đường số 9, ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025	9300, 17/11/2022	913		407	407	407				UBND xã Mã Đà
	Đường số 11 giai đoạn 2, ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025	9301, 17/11/2022	725		327	327	327				UBND xã Mã Đà
3	Chi lĩnh vực An ninh												
	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Công an Xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2023-2025	9501, 28/11/2022	17.431	-	16.615	16.522	9.431	-	7.091	-	
					3.960		3.931	3.931	3.931				Ban QLDA

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 31/12/2022	Nhu cầu vốn 2023	Kế hoạch năm 2023					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch			Tổng kế hoạch năm 2023 sau khi bổ sung, phân bổ, (Lần 2)	Kế hoạch sau điều chỉnh Lần 1	Bổ sung lần 1	Phân bổ lần 2	Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ sau lần 2		
1	Xây dựng kho lưu trữ, hội trường (khoảng 200 chỗ ngồi) Công an huyện	TT Vĩnh An	2023-2025	9707, 13/12/2022	8.546		7.793	7.700	5.000		2.700		Ban QLDA	
	Xây mới một số hạng mục trụ sở Công an xã Thanh Phú	Xã Thanh Phú	2023-2025	1912, 7/7/2023	4.925		4.891	4.891	500		4.391		UBND xã Thanh Phú	
4	Chỉ lĩnh vực Quốc phòng													
	Sửa chữa trụ sở làm việc và nhà làm việc quân sự xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2023-2025	9299, 17/11/2022	3.104		2.956	2.956	2.956				Ban QLDA	
	Sửa chữa mái, chống thấm UBND xã và Ban CHQS xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	9506, 28/11/2022	1.259		1.259	1.259	1.259				Ban QLDA	
	Xây dựng nhà trực ban nội vụ, nhà tiếp công dân Ban CHQS huyện	TT Vĩnh An	2023-2025	461, 02/03/2023	3.393		3.210	3.210	1.200		2.010		Ban QLDA	
5	Chỉ lĩnh vực môi trường													
	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	9704, 13/12/2022	1.795		1.795	1.795	1.795				UBND xã Phú Lý	
	Xây dựng 02 trạm trung chuyển rác thải tại xã Hiếu Liêm.	Xã Hiếu Liêm	2023-2025	9297, 17/11/2022	2.298		2.106	2.106	2.106				UBND xã Hiếu Liêm	
	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Thanh Phú	Xã Thanh Phú	2023-2025	9491, 28/11/2022	1.979		1.926	1.926	1.926				UBND xã Thanh Phú	
	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025	9705, 13/12/2022	1.137		1.042	1.042	1.042				UBND xã Mã Đà	
6	Lĩnh vực khoa học công nghệ													
	Đầu tư trang thiết bị cho các phòng ban, cơ quan trên địa bàn huyện năm 2023	Huyện Vĩnh Cửu	2023-2025	2104, 24/07/2023	2.500	0	2.500	2.500	500	0	2.000	0	Phòng TC-KH	
7	Lĩnh vực Văn hóa thông tin													
	Cải tạo, sửa chữa thư viện và kho lưu trữ huyện	TT Vĩnh An	2023-2025	1908, 7/7/2023	3.016	0	3.010	3.010	500	0	2.510	0	Ban QLDA	
8	Lĩnh vực QLNN													
	Cải tạo cảnh quan và nâng cấp, sửa chữa Trụ sở UBND huyện Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An	2023-2025	1909, 7/7/2023	14.946		14.123	5.500	500		5.000		Ban QLDA	
	Cải tạo, sửa chữa và xây mới nhà kho trong trụ sở UBND TTQ và đoàn thể huyện Vĩnh Cửu	TT Vĩnh An	2023-2025	1910, 7/7/2023	5.668		4.763	4.763	500		4.263		Ban QLDA	
9	Chỉ lĩnh vực tài chính và khác													
	Ủy thác sang NHCSXH	Huyện Vĩnh Cửu	2023	8664, 07/10/2022	6.000		6.000	6.000	6.000				NHCSXH	
	Quy hỗ trợ nông dân	Huyện Vĩnh Cửu	2023		1.000		1.000	1.000	1.000				Hội Nông dân	
III	Dự án chuẩn bị đầu tư													
1	Chỉ lĩnh vực Đảm bảo xã hội													
	Cải tạo Núi đá công viên, sửa chữa Nhà quản trang Nghĩa trang liệt sĩ huyện Vĩnh Cửu (CP chuẩn bị đầu tư)	Xã Thiến Tân	2023-2025		-	-	-	10.200	1.750	-	8.450	-	Ban QLDA	

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 31/12/2022	Nhu cầu vốn 2023	Kế hoạch năm 2023					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch			Tổng kế hoạch năm 2023 sau khi bổ sung, phân bổ, (Lần 2)	Kế hoạch sau điều chỉnh Lần 1	Bổ sung lần 1	Phân bổ lần 2	Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ sau lần 2		
1	2	3	4	7	8	9	10	11=12+13+14+15	12	13	14	15		
2	Chỉ lĩnh vực môi trường							50	50					
	Xây dựng trạm trung chuyển rác thải tại xã Tân An	Xã Tân An	2023-2025					50	50				UBND xã Tân An	
3	Chỉ lĩnh vực Quốc phòng							700	500		200			
	Nâng cấp, mở rộng và xây mới một số hạng mục của Ban CHQS xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025					500	500				Ban QLDA	
	Cải tạo, sửa chữa nhà quán sự xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2023-2025					200			200		UBND xã Vĩnh Tân	
4	Chỉ lĩnh vực QLNN							2.800	500		2.300			
	Xây dựng hội trường và nâng cấp sửa chữa một số hạng mục UBND xã Tân Bình	xã Tân Bình	2023-2025					500	500				UBND xã Tân Bình	
	Cải tạo, sửa chữa một số hạng mục trụ sở UBND xã Bình Hòa	Xã Bình Hòa	2023-2025					200			200		UBND xã Bình Hòa	
	Sửa chữa hàng rào và nâng cấp sân UBND xã Trị An	Xã Trị An	2023-2025					300			300		UBND xã Trị An	
	Xây dựng kho lưu trữ Huyện ủy	TT Vĩnh An	2023-2025					300			300		VP Huyện ủy	
	Cải tạo, sửa chữa và đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị trung tâm GDTX-GDNN (cơ sở chính)	TT Vĩnh An	2023-2025					500			500		Trung tâm GDNN-GDTX	
	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở phòng Tài nguyên và Môi trường	TT Vĩnh An	2023-2025					500			500		Ban QLDA	
	Sửa chữa trụ sở UBND xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025					500			500		Ban QLDA	
5	Lĩnh vực khoa học công nghệ							1.000	500		500			
	Hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số xã Bình Lợi	Huyện Vĩnh Cửu	2023-2025					500	500				UBND xã Bình Lợi	
	Đầu tư, mua sắm hạ tầng ứng dụng CNTT trong các cơ quan, đơn vị, địa phương phục vụ công tác chuyển đổi số	Huyện Vĩnh Cửu	2023-2025					500			500		Ban QLDA	
6	Chỉ lĩnh vực Văn hóa thông tin							1.300			1.300			
	Nâng cấp, sửa chữa nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025					500			500		UBND xã Phú Lý	
	Cải tạo, sửa chữa các nhà văn hóa ấp thuộc xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2023-2025					500			500		UBND xã Vĩnh Tân	
	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2023-2025					300			300		Ban QLDA	
7	Lĩnh vực Thể dục - Thể thao							500			500			
	Xây dựng khu thể thao xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2023-2025					500			500		Ban QLDA	
8	Lĩnh vực kinh tế							3.650			3.650			
8.1	Lĩnh vực giao thông (Huyện quản lý)							1.200			1.200			

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 31/12/2022	Nhu cầu vốn 2023	Kế hoạch năm 2023					Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch			Tổng kế hoạch năm 2023 sau khi bổ sung, phân bổ, (Lần 2)	Kế hoạch sau điều chỉnh Lần 1	Bổ sung lần 1	Phân bổ lần 2	Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ sau lần 2			
1		2	3	4	7	8	9	10	11=12+13+14+15	12	13	14	15		
	Cải tạo cảnh quan trước cổng trường TH-THCS Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025					200				200		Ban QLDA	
	Đường kết nối, dẫn vào Cầu Hiếu Liêm	Xã Trí An, Hiếu Liêm	2023-2026					1.000				1.000		Ban QLDA	
8.2	Chi cho lĩnh vực quy hoạch và quản lý quy hoạch					0		0		0	0	100	0		
	Cắm mốc giới theo quy hoạch chung xây dựng xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2023-2025					50				50		UBND xã Thiện Tân	
	Cắm mốc giới theo quy hoạch chung xây dựng xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2023-2025					50				50		UBND xã Mã Đà	
8.3	Chi lĩnh vực cấp thoát nước, nước sạch							700		-	-	700	-		
	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch khu vực Bình Lục xã Tân Bình, xã Bình Lợi	Xã Tân Bình - Bình Lợi	2023-2025					500				500		Phòng KT-HT	
	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2023-2025					200				200		UBND xã Tân Bình	
8.4	Chi lĩnh vực điện, kiến thiết thị chính							1.050		-	-	1.050	-		
	Hệ thống chiếu sáng đường ranh xã Thanh Phú - Thiện Tân	Xã Thanh Phú - Thiện Tân	2023-2025					200				200		Phòng KT-HT	
	Hệ thống chiếu sáng đường Vĩnh Tân - Trí An (giai đoạn 1)	Xã Vĩnh Tân - Tân An	2023-2025					200				200		Phòng KT-HT	
	Đường dây điện hạ thế tuyến đường Hồ Bông – Cây Xoài, xã Tân An	Xã Tân An	2023-2025					50				50		UBND xã Tân An	
	Đường dây điện hạ thế tuyến đường tổ 4 ấp 3, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2023-2025					50				50		UBND xã Vĩnh Tân	
	Hệ thống chiếu sáng đường DT.768 các đoạn còn lại (từ Km25+700 đến Km29+100 và Km34+900 đến Km40+300)	Địa bàn huyện	2023-2025					500				500		Phòng KT-HT	
	Hệ thống chiếu sáng đường vào Khu tái định cư ấp Thới Sơn	Xã Bình Hòa	2023-2025					50				50		Phòng KT-HT	
8.5	Lĩnh vực nông nghiệp phục vụ sản xuất							600		-	-	600	-		
	Lắp đặt thiết bị quan trắc hồ Mo Nang	Huyện Vĩnh Cù	2023-2025					200				200		Phòng NN-PTNT	
	Lập phương án ứng phó tình huống khẩn cấp hồ chứa nước Mo Nang	Xã Tân An	2023-2025					200				200		Phòng NN-PTNT	
	Gia cố mái taluy kênh chỉnh hồ Mo Nang, xã Tân An	Xã Tân An	2023-2025					200				200		TTDVNN	
IV	Dự án dự kiến chuẩn bị DT, KCM (chưa phân bổ)							32.221				32.221			
B	NGUỒN VỐN XỐ SÓ KIẾN THIẾT							94.644	56.658	13.589	14.112	10.285			

Số TT	Đanh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 31/12/2022	Nhu cầu vốn 2023	Kế hoạch năm 2023					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch			Tổng kế hoạch năm 2023 sau khi bổ sung, phân bổ, (Lần 2)	Kế hoạch sau điều chỉnh lần 1	Bổ sung lần 1	Phân bổ lần 2	Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ sau lần 2		
I	2	3	4	7	8	9	10	11=12+13+14+15	12	13	14	15		
B.1	Nguồn vốn Xã số kiến thiết					55.141	61.119	61.055	36.658	-	14.112	10.285		
I	Dự án chuyển tiếp					55.141	20.744	20.113	20.113	-	-	-		
I	Chi lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo					54.000	19.232	18.601	18.601	0	0	0		
	Xây dựng trường mầm non Bình Hòa (giai đoạn 2)	Xã Bình Hòa	2021-2023	13171, 30/12/2021	11.964	5.000	6.112	6.112	6.112				Ban QLDA	
	Mở rộng trường mầm non Hoa Mĩ	Xã Thanh Phú	2021-2023	8574, 28/09/2022	14.755	6.000	8.052	7.421	7.421				Ban QLDA	
	Cải tạo sửa chữa Trường Mầm non Tân An	Xã Tân An	2022-2024	2690, 28/06/2022	3.275	2.000	972	972	972				Ban QLDA	
	Cải tạo sửa chữa Trường THCS Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2021-2023	2228, 01/06/2022	4.033	3.000	841	841	841				Ban QLDA	
	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Tân Triều	Xã Tân Bình	2022-2024	9368, 18/11/2022	12.077	10.000	959	959	959				Ban QLDA	
	Xây mới Trường Tiểu học Cây Gáo B (Cơ sở 2)	TT Vĩnh An	2022-2024	9367, 18/11/2022	33.298	28.000	2.296	2.296	2.296				Ban QLDA	
2	Chi lĩnh vực VHHT					1.141	1.512	1.512	1.512	-	-	-		
	Làm mới, lắp đặt đèn Led phục vụ Tết Nguyên đán và các ngày Lễ lớn trong năm	Địa bàn huyện	2022-2024	8565, 27/9/2022	2.786	1.141	1.512	1.512	1.512				Phòng VHHT	
II	Dự án khởi công mới					-	40.375	27.057	14.345	-	12.712	-		
	Chi lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo					-	40.375	27.057	14.345	-	12.712	-		
	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Thiện Tân (cơ sở 2);	Xã Thiện Tân	2023-2025	9504, 28/11/2022	1.746		1.600	1.600	1.600				Ban QLDA	
	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học Tân An	Xã Tân An	2023-2025	9503, 28/11/2022	12.113		11.245	11.245	11.245				Ban QLDA	
	Sửa chữa trường THCS Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2023-2025	1915, 7/7/2023	5.559		5.526	5.526	500		5.026		Ban QLDA	
	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Trĩ An (cơ sở 1)	Xã Trĩ An	2023-2025	1390, 26/5/2023	3.208		3.186	3.186	500		2.686		Ban QLDA	
	Nâng cấp, mở rộng trường tiểu học Bàu Phụng	Xã Phú Lý	2023-2025	1916, 7/7/2023	20.871		18.818	5.500	500		5.000		Ban QLDA	
III	Dự án chuẩn bị đầu tư					-	-	3.600	2.200	-	1.400	-		
	Chi lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo					-	-	3.600	2.200	-	1.400	-		
	Xây dựng khu học tập trải nghiệm sáng tạo Stem trong trường học khối Mầm non	Địa bàn huyện	2023-2025				-	200	200				Phòng GD-ĐT	
	Xây dựng mới 01 khối phòng học và cải tạo, sửa chữa trường mầm non Phong Lan	TT Vĩnh An	2023-2025				-	1.000	1.000				Ban QLDA	
	Xây dựng mới và cải tạo một số hạng mục trường TH Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2026				-	1.000	1.000				Ban QLDA	
	Cải tạo, sửa chữa trường tiểu học Sông Mây	Xã Vĩnh Tân	2023-2025					500			500		Ban QLDA	

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 31/12/2022	Nhu cầu vốn 2023	Kế hoạch năm 2023					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch			Tổng kế hoạch năm 2023 sau khi bổ sung, phân bổ, (Lần 2)	Kế hoạch sau điều chỉnh Lần 1	Bổ sung lần 1	Phân bổ lần 2	Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ sau lần 2		
1		2	3	4	7	8	9	10	11=12+13+14+15	12	13	14	15	
	Cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC trường tiểu học Thanh Phú	Xã Thanh Phú	2023-2025						300			300	Ban QLDA	
	Cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC trường Mầm non Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2023-2025						300			300	Ban QLDA	
	Cải tạo, nâng cấp hệ thống PCCC trường tiểu học Cây Gào A	TT Vinh An	2023-2025						300			300	Ban QLDA	
IV	Dự án dự kiến chuẩn bị DT, KCM (chưa phân bổ)								10.285			10.285		
B.2	HỒ TRỌ CỎ MỤC TIÊU NGUỒN XSKT							30.000	20.000	20.000	-	-		
	Chi lĩnh vực kinh tế							30.000	20.000	20.000	-	-		
	Chi lĩnh vực giao thông							30.000	20.000	20.000	-	-		
	Dường Kỳ Lân, xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2021-2023	12709, 28/12/2021	73.783			30.000	20.000	20.000			Ban QLDA	
B.3	Hỗ trợ có mục tiêu nguồn vốn xổ số kiến thiết													
	Bổ sung hỗ trợ đầu tư theo hình thức XIII					40.462	-	-	13.589	-	13.589	-	-	
	Dường tổ 5, Ấp 4, xã Vĩnh Tân (Dường tổ 4, Ấp 2, Nhánh I, GP2)	Xã Vĩnh Tân	2022-2024	1140, 17/03/2022	4.037				1.368		1.368		UBND xã Vĩnh Tân	
	Dường tổ 10, Ấp 1, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2022-2024	1142, 17/03/2022	1.334				448		448		UBND xã Vĩnh Tân	
	Dường tổ 19, Ấp 6, nhánh 1, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2022-2024	1141, 17/03/2022	788				258		258		UBND xã Vĩnh Tân	
	Dường nhánh tổ 7, Ấp 6, xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2022-2023	1139, 17/03/2022	952				314		314		UBND xã Vĩnh Tân	
	Dường nhánh tổ 11, ấp 2, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2022-2023	1145, 17/03/2022	241				76		76		UBND xã Hiếu Liêm	
	Dường nhánh tổ 14, ấp 3, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2022-2023	1144, 17/03/2022	795				267		267		UBND xã Hiếu Liêm	
	Dường nhánh tổ 16, ấp 3 (nhánh 2), xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2022-2023	1143, 17/03/2022	860				290		290		UBND xã Hiếu Liêm	
	Dường hẻm 81, 82, 83 ấp Tân Triều, xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2022-2023	1133, 17/03/2022	788				261		261		UBND xã Tân Bình	
	Dường hẻm 157, 162 ấp Vĩnh Hiệp, xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2022-2023	1134, 17/03/2022	1.048				352		352		UBND xã Tân Bình	
	Dường hẻm 230, 176 ấp Vĩnh Hiệp, xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2022-2024	1135, 17/03/2022	707				232		232		UBND xã Tân Bình	
	Năng Cấp đường hẻm số 3 ấp Vĩnh Hiệp, xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2022-2024	1136, 17/03/2022	654				218		218		UBND xã Tân Bình	

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 31/12/2022	Nhu cầu vốn 2023	Kế hoạch năm 2023					Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch			Tổng kế hoạch năm 2023 sau khi bổ sung, phân bổ, (Lần 2)	Kế hoạch sau điều chỉnh Lần 1	Bổ sung lần 1	Phân bổ lần 2	Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ sau lần 2		
1	2	3	4	7	8	9	10	11=12+13+14+15	12	13	14	15		
	Đường kênh N1 (Đoạn còn lại)	Xã Tân An	2022-2023	2692, 18/06/2022	4.913			1.664		1.664			UBND xã Tân An	
	Đường Hồ Bông, tổ 8, ấp Cây Xoài, xã Tân An	Xã Tân An	2022-2022	1137, 17/03/2022	2.875			1.004		1.004			UBND xã Tân An	
	Đường Lò Than, xã Trị An	Xã Trị An	2021-2024	1147, 17/03/2022	1.952			634		634			UBND xã Trị An	
	Nâng cấp, sửa chữa đường Bến Be nối dài đường Mía Đường	Xã Trị An	2021-2023	1146, 17/03/2022	3.713			1.290		1.290			UBND xã Trị An	
	Đường tổ 3, Ấp 3, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2023	2016, 17/05/2022	756			252		252			UBND xã Phú Lý	
	Đường hẻm 291, 169 ấp Bình Lục, xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2022-2023	9495, 28/11/2022	1.176			397		397			UBND xã Tân Bình	
	Đường hẻm 12-14, ấp Bình Ý, xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2022-2023	9496, 28/11/2022	1.184			400		400			UBND xã Tân Bình	
	Đường hẻm 21, đường sân banh ấp Bình Ý, xã Tân Bình	Xã Tân Bình	2022-2023	9494, 28/11/2022	913			307		307			UBND xã Tân Bình	
	Đường Nội đồng Giáo Tùng (giai đoạn 2), xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2022-2023	9706, 13/12/2022	4.286			1.396		1.396			UBND xã Bình Lợi	
	Đường hẻm số 8, ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2022-2024	9298, 17/11/2022	2.387			810		810			UBND xã Mã Đà	
	Đường số 9, ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2022-2024	9300, 17/11/2022	913			308		308			UBND xã Mã Đà	
	Đường số 11 giai đoạn 2, ấp 1, xã Mã Đà	Xã Mã Đà	2022-2024	9301, 17/11/2022	724			242		242			UBND xã Mã Đà	
	Đường tổ 10, Ấp 4, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2022-2024	9492, 28/11/2022	1.841			593		593			UBND xã Phú Lý	
	Đường tổ 10, Ấp 2, xã Hiếu Liêm	Xã Hiếu Liêm	2022-2024	9302, 17/11/2021	625			208		208			UBND xã Hiếu Liêm	
C	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT (Nguồn kết dư)							115.200	20.900	-	24.490	69.810		
I	Dự án khởi công mới					-	77.122	28.790	13.400	-	15.390	-		
I	Lĩnh vực kinh tế						49.496	22.790	12.400	-	10.390	-		
1.1	Lĩnh vực giao thông (huyện quản lý)						38.307	13.000	10.000	-	3.000	-		
	Đường Kỳ Lân, xã Thiện Tân	Xã Thiện Tân	2021-2023	12709, 28/12/2021	73.783		35.307	10.000	10.000				Ban QLDA	
	Nâng cấp đường Hương lộ 9 Thành Đức - Tân Bình	Xã Tân Bình	2019-2023				3.000	3.000			3.000		Ban QLDA	
1.2	Đường xã, đầu tư XHHH				10.628	-	4.973	4.973	1.400	-	3.573			
	Đường tổ 9E, đầu nối với đường số 7, ấp 1, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025	1881, 03/07/2023	3.704		1.677	1.677	200		1.477		UBND xã Thạnh Phú	

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 31/12/2022	Nhu cầu vốn 2023	Kế hoạch năm 2023						Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch			Tổng kế hoạch năm 2023 sau khi bổ sung, phân bổ, (Lần 2)	Kế hoạch sau điều chỉnh Lần 1	Bổ sung lần 1	Phân bổ lần 2	Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ sau lần 2			
1		2	3	4	7	8	9	10	11=12+13+14+15	12	13	14	15		
	Dường liên tổ 5-6, ấp 5, xã Thanh Phú	Xã Thanh Phú	2023-2025	1878, 03/07/2023	653			312	312	200		112		UBND xã Thanh Phú	
	Dường hẻm tổ 5, 4, ấp 5, xã Thanh Phú	Xã Thanh Phú	2023-2025	1879, 03/07/2023	639			297	297	200		97		UBND xã Thanh Phú	
	Dường hẻm tổ 4, ấp 5, xã Thanh Phú	Xã Thanh Phú	2023-2025	1877, 03/07/2023	786			366	366	200		166		UBND xã Thanh Phú	
	Dường hẻm 83, liên ấp 7-6, xã Thanh Phú	Xã Thanh Phú	2023-2025	1880, 03/07/2023	992			460	460	200		260		UBND xã Thanh Phú	
	Dường tổ 6, ấp 4 (giai đoạn 1), xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	1913, 7/7/2023	2.994			1.434	1.434	200		1.234		UBND xã Phú Lý	
	Dường tổ 11, ấp 4, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025	1914, 7/7/2023	860			427	427	200		227		UBND xã Phú Lý	
1.3	Lĩnh vực dịch vụ công ích (K TTC)							4.317	4.317	500	-	3.817	-		
	Hệ thống chiếu sáng đường Bình Chánh (đoạn còn lại)	Xã Phú Lý	2023-2025	1918, 7/7/2023	4.533			4.317	4.317	500		3.817		Phòng KT-HT	
1.4	Lĩnh vực nông nghiệp phục vụ sản xuất							1.899	500	500	-	-	-		
	Bè tổng hòa kênh dẫn trạm bơm Long Chiến	Xã Bình Lợi	2023-2025	1911, 07/07/2023	1.994			1.899	500	500		5.000	-	Ban QLDA	
2	Lĩnh vực Văn hóa thông tin				30.309		-	27.626	6.000	1.000	-	5.000	-		
	Xây mới hội trường, một số hạng mục và cải tạo Trung tâm Văn hóa thông tin và thể thao huyện	TT Vĩnh An	2023-2025	1917, 7/7/2023	30.309			27.626	6.000	1.000		5.000	-	Ban QLDA	
II	Dự án chuẩn bị đầu tư								14.200	6.500	-	7.700	-		
1	Lĩnh vực kinh tế								13.700	6.000	-	7.700	-		
1.1	Lĩnh vực giao thông (huyện quản lý)								8.000	4.000	-	4.000	-		
	Xây dựng đường N3 (đường Ngõ Quyền), giai đoạn 1 và đường số 10 trong khu Trung tâm Văn hóa - thông tin và thể thao huyện	TT Vĩnh An	2023-2025						1.000	1.000				Ban QLDA	
	Nâng cấp đường Hương Lộ 6, xã Thanh Phú	Xã Thanh Phú	2023-2026						2.000	2.000				Ban QLDA	
	Dường Lý Thái tổ, đoạn từ DT. 762 đến đường Võ Văn Tần	TT Vĩnh An	2023-2025						1.000	1.000				Ban QLDA	
	Dại tu, sửa chữa đường Long Chiến	Xã Bình Lợi	2023-2025						500			500		Ban QLDA	
	Dại tu, sửa chữa Đường Bình Hòa- Cây Dương (Đoạn từ Km3+700 đến Km7+700)	Xã Bình Hòa	2023-2025						500			500		Ban QLDA	
	Dại tu, sửa chữa đường Bình Chánh, ấp 4 (đoạn từ Km5+150 đến Km8+270)	Xã Phú Lý	2023-2025						500			500		Ban QLDA	

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 31/12/2022	Nhu cầu vốn 2023	Kế hoạch năm 2023					Chủ đầu tư	Chi chú
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch			Tổng kế hoạch năm 2023 sau khi bổ sung, phân bổ, (Lần 2)	Kế hoạch sau điều chỉnh Lần 1	Bổ sung lần 1	Phân bổ lần 2	Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ sau lần 2		
1		2	3	4	7	8	9	10	11=12+13+14+15	12	13	14	15	
	Dại tu, sửa chữa đường Quang Trung	TT Vĩnh An	2023-2025					500					Ban QLDA	
	Trung tu, sửa chữa đường Đa Lộc, ấp 1, xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025					500			500		UBND xã Bình Lợi	
	Dại tu, sửa chữa tuyến đường trục chính xã Hiếu Liêm (doan từ từ tiếp giáp Công ty thủy điện Trị An đến ngã ba giao đường Hiếu Liêm)	Xã Hiếu Liêm	2023-2025					500			500		Phòng KT-HT	
	Dại tu, sửa chữa đường 322A, xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025					500			500		Phòng KT-HT	
	Dại tu, sửa chữa đường Xóm Rạch, xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025					500			500		Phòng KT-HT	
1.2	Chỉ lĩnh vực giao thông (XIII)							900	-	-	900	-	-	
	Nâng cấp, Cải tạo Hẻm số 03 vào Đình Thần Bình Thạnh, ấp 3, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025					200			200		UBND xã Thạnh Phú	
	Đường xóm tổ 9F1 đầu nối với đường số 7, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025					200			200		UBND xã Thạnh Phú	
	Nâng cấp, Cải tạo Đường Tân Huệ ấp 7, xã Thạnh Phú	Xã Thạnh Phú	2023-2025					200			200		UBND xã Thạnh Phú	
	Sửa chữa các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025					300			300		UBND xã Bình Lợi	
1.3	Chỉ lĩnh vực cấp thoát nước, nước sạch							2.800	500	-	2.300	-		
	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch xã Phú Lý	Xã Phú Lý	2023-2025					500	500				Ban QLDA	
	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch dọc tuyến đường Long Chiến	Xã Bình Lợi	2023-2025					200			200		Phòng KT-HT	
	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch dọc tuyến đường Xóm Rạch	Xã Bình Lợi	2023-2025					200			200		Phòng KT-HT	
	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025					500			500		UBND xã Bình Lợi	
	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Vĩnh Tân	Xã Vĩnh Tân	2023-2025					500			500		UBND xã Vĩnh Tân	
	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Thạnh Phú	Xã Vĩnh Tân	2023-2025					500			500		UBND xã Thạnh Phú	
	Đầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Tân An	Xã Tân An	2023-2025					200			200		UBND xã Tân An	

Số TT	Danh mục dự án và nguồn vốn thực hiện	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Quyết định duyệt dự án		Lấy kế vốn đã giao đến 31/12/2022	Nhu cầu vốn 2023	Kế hoạch năm 2023					Chủ đầu tư	Ghi chú	
				Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư kế hoạch			Tổng kế hoạch năm 2023 sau khi bổ sung, phân bổ, (Lần 2)	Kế hoạch sau điều chỉnh Lần 1	Bổ sung lần 1	Phân bổ lần 2	Nguồn vốn còn lại chưa phân bổ sau lần 2			
1		2	3	4	7	8	9	10	11=12+13+14+15	12	13	14	15		
	Dầu tư các tuyến ống cấp nước trên địa bàn xã Bình Hòa	Xã Bình Hòa	2023-2025						200			200		UBND xã Bình Hòa	
1.4	Lĩnh vực dịch vụ công ích (KTTTC)								500	500	-	-	-		
	Hệ thống chiếu sáng đường Cô Cây Xoài (doạn còn lại)	Xã Tân An	2023-2025					-	500	500				Ban QLDA	
1.5	Chi lĩnh vực kinh tế khác							-	1.500	1.000	-	500	-		
	Khu tái định cư Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025					-	1.000	1.000				Ban QLDA	
	Sửa chữa Hạ Tầng khu tái định cư ấp 5, xã Thanh Phú	Xã Thanh Phú	2023-2025						500			500		Phòng KT-HTT	
2	Lĩnh vực Văn hóa thông tin					-		-	500	500	-	-	-		
	Sửa chữa Trung tâm VH-TT-HTCD xã, nhà văn hóa các ấp xã Bình Lợi	Xã Bình Lợi	2023-2025					-	500	500				UBND xã Bình Lợi	
III	Khen thưởng NTM kiểu mẫu								1.000	1.000	-	-	-		
	Xã Tân Bình							1.000	1.000	1.000				Cấp chuyển giao cho xã	
IV	Khen thưởng khu dân cư đạt chuẩn KĐC kiểu mẫu								1.400	-	-	1.400	-		
	Xã Bình Lợi (02 khu) (Theo QĐ số 1839/QĐ-UBND ngày 30/06/2023)	Xã Bình Lợi	2023					400	400			400		Cấp chuyển giao cho xã	
	Xã Bình Hòa (01 khu) (Theo QĐ số 1839/QĐ-UBND ngày 30/06/2023)	Xã Bình Hòa	2023					400	200			200		Cấp chuyển giao cho xã	
	Xã Phú Lý (02 khu) (Theo QĐ số 1839/QĐ-UBND ngày 30/06/2023)	Xã Phú Lý	2023					400	400			400		Cấp chuyển giao cho xã	
	Xã Hiếu Liêm (01 khu) (Theo QĐ số 1839/QĐ-UBND ngày 30/06/2023)	Xã Hiếu Liêm	2023					200	200			200		Cấp chuyển giao cho xã	
	Xã Trị An (01 khu) (Theo QĐ số 1839/QĐ-UBND ngày 30/06/2023)	Xã Trị An	2023					200	200			200		Cấp chuyển giao cho xã	
IV	Dự án dự kiến chuẩn bị DT, KCM (chưa phân bổ)								69.810				69.810		

10/1/2023